TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số 281/2020/HC-PT
Ngày 14-7-2020
V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 30/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 31/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1425/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị S. Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Xuân H3, sinh năm 1950. Địa chỉ: P, Phường Đ, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T1- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Thắng L (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn Mỹ Tân, xã T, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn H1. Địa chỉ: Thôn Mỹ Nhơn, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Trịnh Văn H2. Địa chỉ: 14/4/12 khu phố K, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 của bà Trần Thị S và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 2007, bà Trần Thị S và vợ chồng ông G, bà H4có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng hai bên chỉ thỏa thuận miệng và ra thực địa xác định ranh giới đất chứ không đo đạc cụ thể diện tích và cũng không làm giấy tờ cho đến nay. Khi ra thực tế hiện trạng đất lúc này đã có hàng rào trụ gỗ, dây thép gai và đang làm muối, có mặt phía bắc giáp với Đường 702, hiện đang sử dụng làm ao chứa nước giang làm muối.

Khi bà S nhận chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích mà vợ chồng ông G và bà H4đang sử dụng thì không ký bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chưa bao giờ đến UBND xã N để làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, UBND huyện Ninh Hải lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 ngày 22/11/2011 cho bà S. Bà S cam đoan toàn bộ hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là chữ ký của bà S.

Khi xem lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất bà S đã phát hiện ra toàn bộ thửa đất của ông Danh sử dụng trước đây đã bị tách ra làm 04 thửa, thửa đất cấp Giấy chứng nhận cho bà S là thửa số 302, còn các thửa đất của ông H2 số 318, bà H số 312,

ông H1 số 303 đều nằm ở vị trí phía trước mặt tiền đường Tỉnh lộ 702 thuộc phần diện tích đất có ao chứa nước G làm muối của bà S. Hơn nữa bên hướng Tây thửa đất nguyên trước đây không có con đường đất nào tồn tại cả, nH1 nay theo sổ cấp cho bà S thì có con đường mới với mục đích là đi vào phía sau thửa đất cấp cho bà S. Bà S đã khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Bà S yêu cầu Tòa án hủy:

- Công văn số 2389/UBND-NC ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Hải (sau đây viết tắt Công văn số 2389/UBND-NC) về việc giải quyết khiếu nại lý do UBND huyện Ninh Hải ban hành các quyết định: Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 về việc giao đất tái định cư cho bà Nguyễn Thị H diện tích 150m^2 thửa số 312 tờ bàn đồ số 312 thuộc xã N; Quyết định số 677/QĐ-UBND) ngày 01/7/2014 về việc giao đất cho ông Nguyễn Văn H1 thuê diện tích 469m^2 đất thửa số 303, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 274233 ngày 16/9/2014; Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 về việc giao đất cho ông Trịnh Văn H2 thuê diện tích 499m^2, đất thửa số 318, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 274232 ngày 16/9/2014;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 ngày 22/11/2011 cấp cho bà Trần Thị S, diện tích 1520m^2, thửa số 302, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N vì xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Võ T có văn bản trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Ninh Hải không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, đại diện theo ủy quyền cua người bị kiện đã có Công văn số 4018/UBND-NC ngày 08/12/2017 giải trình chi tiết đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Theo báo cáo số 09/BC-TT ngày 25/01/2010 của Thanh tra huyện Ninh Hải về việc thẩm tra việc quản lý, sử dụng đất tại khu vực cây dừa, thôn Khánh Nhơn, xã N, huyện Ninh Hải trong đó xác định diện tích 5.000m^2, thuộc thửa số 11 (BĐ 299) do UBND xã N quản lý theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 03/7/1996. Tuy nhiên, UBND huyện Ninh Hải không quản lý mà lập hồ sơ đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Hùng Danh ngày 16/4/1998. Ông Võ Hùng Danh không sử dụng đất đến năm 2001 S

nhượng lại cho ông Lê Văn G. Ngày 09/8/2005, ông Lê Văn G được UBND huyện Ninh Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 432497 diện tích 150m^2, thửa số 2, tờ bản đồ 00 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 432496 diện tích 1.100m^2, thửa số 01, tờ bản đồ 00. Xét tình hình thực tế, ngày 31/5/2010, UBND huyện Ninh Hải ban hành Công văn số 422/UBND-NC thống nhất không thu hồi diện tích 150m^2 và 1.100m^2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn G.

Năm 2011, vợ chồng ông Lê Văn G lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sư dụng đất cho bà Trần Thị S thửa số 01 và thửa số 02 với tổng diện tích là 1.260m^2 hợp đồng có đầy đủ chữ ký của các bên và đã được UBND xã N chứng thực vào ngày 26/8/2011 theo quy định của pháp luật. Qua thẩm tra của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất 02 thửa 1 và 2 này là thửa 302 tờ bản đồ địa chinh số 31, xã N (bản đồ mới) hình thể thửa đất không thay đổi nhưng diện tích có chênh lệch tăng từ 1.260m^2 lên 1.520m^2 bà Trần Thị S lập hồ sơ đăng ký và xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 22/11/2011 UBND huyện Ninh Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 cho bà Trần Thị S diện tích 1.520m^2, thửa số 302, tờ bản đồ số 31.

Sau khi S nhượng đất, bà S không sử dụng đất nên không xác định được vị trí đất của mình nằm ở đâu, do đó đã có đơn khiếu nại đến UBND huyện Ninh Hải cho rằng UBND huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận không đúng vị trí. Vụ việc được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trả lời, xác định diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S là đúng theo hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn G năm 2005.

Qua kiểm tra bản đồ đo đạc địa chính năm 2005 xã N thể hiện: Thửa số 2, diện tích 150m^2 và thửa số 1 diện tích 1.100m^2, tờ bản đồ 00 (Bản đồ giải thửa đo vẽ bổ sung năm 1997) đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn G, nay theo Bản đồ địa chính năm 2005 đo bao chung thành thửa số 251, ký hiệu loại đất bằng chưa sử dụng (BCS) có diện tích 8.441m^2 do UBND xã N quản lý. Nguyên nhân: Năm 2005, khi thành lập bản đồ địa chính khu vực đất này các hộ dân không canh tác, sử dụng, bỏ đất trống nên khi đo đạc bản đồ đo bao chung thành thửa số 251 (trong diện tích đất của thửa số 251 có

phần diện tích đất của ông Lê Văn G đã cấp giấy chứng nhận và phần diện tích do xã quản lý).

Phía Bắc diện tích đất đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S năm 2011 là đất chưa sử dụng do UBND xã N quản lý giáp mặt tiền Đường tỉnh lộ 702. Để giải quyết nhu cầu đất ở tái định cư cho bà Nguyễn Thị H khi Nhà nước thu hồi đất ở của bà Nguyễn Thị H để thực hiện dự án đường Vĩnh Hy - Ninh Chữ. Ngày 10/01/2014, UBND huyện Ninh Hải đã ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND giao thửa đất số 312 diện tích 150m^2, tờ ban đồ địa chính số 31 xã N để tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị H. Đất giao cho bà Nguyễn Thị H chưa được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H2 nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Sau khi giao đất cho bà Nguyễn Thị H, phần diện tích đất chưa sử dụng còn lại, UBND huyện lập thủ tục cho ông Nguyễn Văn H1 thuê tại Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 01/7/2014. Hợp đồng thuê đất ngày 06/8/2014 thửa đất số 303, tờ bản đồ địa chính số 31, diện tích 469m^2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H2 nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 274233 ngày 16/9/2014; UBND huyện lập thủ tục cho ông cho ông Trịnh Văn H2 thuê tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 01/7/2014. Hợp đồng thuê đất ngày 09/8/2014 thửa đất số 318 tờ bản đồ số 31, diện tích 499m^2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở H2 nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 274232 ngày 16/9/2014. Trình tự thủ tục cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và đúng quy định cua pháp luật đất đai hiện hành.

Việc bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2389/UBND-NC về việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện Ninh Hải và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 ngày 22/11/2011 do UBND huyện Ninh Hải cấp cho bà Trần Thị S, diện tích 1.520m^2, thửa số 302, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N là không có căn cứ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H1, ông Trịnh Văn H2 và bà Nguyễn Thị H là những người có ý kiến không đồng ý với yêu của khởi kiện của bà Trân Thị S vê việc yêu cầu Tòa án hủy Công văn sổ 2389/UBND-NC.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điều 122, 688, 689 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ điều 106, 127 Luật đất đai 2003.

Căn cứ khoản 1 Điều 362 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S về việc yêu cầu Tòa án hủy:

- Công văn số 2389/UBND-NC ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Ninh Hải.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 ngày 22/11/2011 cấp cho bà Trần Thị S, diện tích 1.520m^2, thửa số 302, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí trưng cầu giám định, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị S (người khởi kiện) kháng cáo, bà S cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn H2, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H trên diện tích đất hồ chứa muối, ruộng muối của bà khi Ủy ban nhân dân chưa thực hiện việc thu hồi, bồi thường là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là gây thiệt hại đến quyền lợi của bà, nên bà kháng cáo yêu cầu xử chấp nhận theo đơn khởi kiện của bà. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Tại Tòa Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng theo bản trích đo ngày 17/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai thì diện tích đất của bà Trần Thị S đang sử dụng là 1.869,7m^2, trong đó nằm trong Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 giao cho hộ bà Nguyễn Thị H là 36,8m^2, nằm trong giấy cấp cho ông Nguyễn Văn H1 là 68.2m^2, nằm trong giấy cấp cho ông H2 là 56,3m^2, nằm trong giấy cấp cho ông Trịnh Văn H2 hiện do ông Lưu Thành Tâm sử dụng 61,7m^2, nằm trong giấy cấp cho bà S hiện do ông Lưu Thành Tâm sử dụng 117,7m^2, không đưa ông Tâm tham gia tố tụng nên đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị S làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị S cho rằng năm 2007 bà có S nhượng đất của vợ chồng ông Lê Văn G và bà H4là chuyển nhượng hết toàn bộ đất mà ông G và bà H4đang sử dụng, việc S nhượng giữa 02 bên chỉ thỏa thuận bằng miệng và ra thực địa xác định ranh giới chứ không đo đạc cụ thể diện tích. Sau đó thì Ủy ban nhân dân Huyện Ninh Hải lấy cấp cho ông H2, ông H1, bà H số còn lại theo đo đạc thực tế 1,520m^2 tại thửa số 302, tờ bản đồ số 31, thuộc xã N, huyện Ninh Hải. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp quyền sử dụng đất cho bà – theo giấy số BH 260315 ngày 22/11/2011 là cấp không đúng diện tích; bà khiếu nại, ngày 17/7/2017 Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải ban hành Công văn số 2389/UBND-NC- không chấp nhận khiếu nại của bà, nên bà khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2389/UBND-NC nêu trên và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260315 mà Ủy ban nhân dân cấp quyền sử dụng đất cho bà để Ủy ban nhân dân cấp lại cho đúng diện tích đất bà đang sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo hồ sơ thể hiện: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 58, ngày 26/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Hải cung cấp thì thể hiện ông Lê Văn G, bà Trần Thị Thu H4có chuyển nhượng 02 thửa đất. Thửa số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 1.110m^2, thửa số 02, tờ bản đồ số 00, diện tích 150m^2, tổng diện tích là 1.260m^2 cho bà Trần Thị S có chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái là ông Phạm Khắc Hào và có chữ ký của cán bộ Tư pháp xã ông Trần Thái Nguyên (có lời khai của ông Hào và ông Nguyên tại hồ sơ).

Theo Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải xác định mặc dù bà S làm giấy S nhượng đất của ông G, bà H4diện tích ghi trong giấy có 1.260m^2 nH1 thực tế bà S sử dụng đến 1.520m^2, nên Ủy ban nhân dân chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S diện tích có 1.520m^2.

Theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đất đai tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17/10/2018 thể hiện: Vị trí ở các mốc 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 20, 18, 22, 23 hiện trạng bà Trần Thị S đang sử dụng có diện tích là 1.869,7m^2; trong diện tích đất trên Ủy ban nhân dân có Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 10/01/2014 giao cho hộ bà Nguyễn Thị H 36,8m^2, nằm trong ranh cấp giấy chứng nhận cấp cho ông Nguyễn Văn H1 56,3m^2 nằm trong ranh cấp giấy chứng nhận cho bà Trần Thị S là 1.402,5m, nằm ngoài ranh cấp giấy chứng nhận cấp cho bà Trần Thị S là 305,9m^2, nằm trong giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Trịnh Văn H2 hiện ông Lưu Thành Tâm đang quản lý sử dụng là 61,4m^2, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S hiện cho ông Lưu Thành Tâm sử dụng là 117,7 m^2.

Theo bản trích đo bản đồ địa chính thì ngày 17/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận nêu trên thì diện tích đất thực tế bà Trần Thị S đang sử dụng đến 1.869,7m^2, phía Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải xác định chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S có 1.520m^2 mà không xác định diện tích còn lại ai là người trực tiếp quản lý, sử dụng, nêu có lấy phần đất còn lại cấp cho bà H, ông H1, ông H2 như trên thì Ủy ban nhân dân có quyết định thu hồi đất, có giải quyết đền bù về đất cho hộ bà S hay không, vì sao chưa có quyết định thu hồi đất do hộ bà S sử dụng mà lại có quyết định giao đất, cấp đất cho các hộ khác, vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ mà xử bác yêu cầu của bà Trần Thị S yêu cầu hủy Công văn số 2389/UBND-NC ngày 17/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, cũng như yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 26031 ngày 22/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải để Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thực tế cho bà S như trên là chưa có căn cứ.

Mặt khác, theo Trích đo đạc bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận lập ngày 17/10/2018 thì thể hiện phần đất mà Ủy ban nhân dân cấp quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị S có diện tích 117,7m^2 hiện do ông Lưu Thành Tâm sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lưu Thành Tâm vào tham gia tố tụng để xác định vì sao đất do ông Tâm sử dụng mà lại cấp cho bà S. Không đưa ông Tâm tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để đưa ông Tâm tham gia tố tụng, xác minh làm rõ các vấn đề trên để xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bà Trần Thị S có phần phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị S.

Xử:

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 31/2018/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị S không phải nộp áp phí hành chính phúc thẩm. Ngày 21/11/2018, bà Trần Thị S (do ông Ngô Xuân H nộp thay) số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017287 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Số tiền này được hoàn trả lại cho bà Trần Thị S.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/7/2020./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung